



TRI THỨC ĐỊA PHƯƠNG VỚI GIÁO DỤC HỌC SINH DÂN TỘC THIỂU SỐ

TS. ĐÀO THỊ BÌNH - ĐÀO NAM SƠN
Trung tâm Nghiên cứu Giáo dục dân tộc

1. Tri thức địa phương

Tri thức là sự hiểu biết về khoa học tự nhiên, khoa học xã hội. Hệ thống tri thức bao gồm tri thức khoa học và tri thức kinh nghiệm. Tri thức kinh nghiệm là những hiểu biết được tích lũy một cách ngẫu nhiên từ đời sống hằng ngày, chưa đi sâu vào bản chất các sự vật, chỉ giúp cho con người trong khuôn khổ nhất định. Tuy nhiên, tri thức kinh nghiệm luôn là cơ sở quan trọng cho sự hình thành các tri thức khoa học.

Tri thức khoa học là những hiểu biết được tích lũy một cách hệ thống nhờ hoạt động nghiên cứu khoa học. Nó không phải là sự kế tục giản đơn của tri thức kinh nghiệm, mà sự tổng hợp những số liệu và sự kiện ngẫu nhiên, rời rạc để khái quát hóa thành cơ sở lí thuyết về các liên hệ bản chất.

Tri thức địa phương chủ yếu là tri thức kinh nghiệm. Nó là những hiểu biết có hệ thống mang tính khu vực có thể không áp dụng chung cho mọi đối tượng, mọi vùng/miền. Những hiểu biết này có thể không gắn với tộc người mà gắn với vùng đất (địa phương). Tri thức về việc trồng lanh, tước lanh, xe lanh rồi dệt nên những tấm vải quý là kinh nghiệm sống của người Mông ở vùng cao phía Bắc. Những tri thức ấy, vừa là những hiểu biết về tộc người, vừa là hiểu biết về nghề truyền thống của các tỉnh phía Bắc nơi người Mông cư trú tập trung.

Tri thức địa phương là hiểu biết về những cái ích dụng và gắn gũi với đời sống người dân. Tri thức địa phương bao gồm tất cả những lĩnh vực trong đời sống xã hội từ cách đối nhân xử thế, cách ứng xử với lũ lụt, thiên tai, bảo vệ thiên nhiên, môi trường, cách trồng trọt chăn nuôi, cách tổ chức các lễ hội, đến cách duy trì các phong tục, tập quán, các thông tin về các bài thuốc dân gian, cách chữa bệnh...

Cách thể hiện của tri thức địa phương gắn gũi, dễ hiểu (dạng thức phân-cơ-lo). Chúng ta có thể tìm trong văn hóa dân gian mỗi tộc người rất nhiều tri thức, đặc biệt là những kinh nghiệm sống.

Tri thức địa phương tồn tại trong ngôn ngữ địa phương, gắn với ngôn ngữ tộc người. Đây là một đặc điểm rất quan trọng. Ngôn ngữ của tộc người không bao giờ nghèo nàn khi ghi lại, phản ánh tri thức địa phương. Tri thức địa phương gắn với lời nói, từ khi có

chữ viết thì gắn với chữ viết. Hiện thực sinh ra trong môi trường ngôn ngữ nào (của tộc người nào) thì được thể hiện bằng ngôn ngữ của tộc người đó. Viết về phong tục *Oc-om-booc* (ăn cơm cúng trắng) thì không có ngôn ngữ nào phản ánh tốt hơn ngôn ngữ Khmer. Viết về cây lanh chắc không ngôn ngữ nào phản ánh sinh động hơn ngôn ngữ Mông, v.v..

2. Tri thức địa phương với văn hóa tộc người

Mối quan hệ giữa tri thức địa phương và văn hóa tộc người không hoàn toàn tách biệt. Nếu văn hóa là *những giá trị vật chất, tinh thần* do con người tạo ra trong suốt quá trình lịch sử, thì tri thức địa phương là *những hiểu biết – những tích lũy kinh nghiệm về người, về nghề mang tính khu biệt*. Văn hóa tộc người và tri thức địa phương không phải là một, nhưng không phải không có những điểm gặp nhau. Cái *cạn nước* của đồng bào vùng cao phía Bắc dùng để lấy nước từ dưới suối lên các ruộng cao có thể xem là một giá trị, một sản phẩm văn hóa, vừa là cái đẹp đồng thời là cái hữu ích phản ánh tài năng, trí tuệ con người. Cái *cạn nước* tự thân nó tạo ra một lực để xoay mà không cần nhiên liệu hay động cơ gì cả, nhờ dầm một phần trong dòng nước chảy. Nhưng để làm cái *cạn* đó như thế nào với các ống nước to nhỏ, cắt vát ra sao, đặt nó ở vị trí nào để có thể khai thác được hiệu quả thì cái đó thuộc về *tri thức*.

Tri thức địa phương gắn bó với văn hóa tộc người. Tri thức địa phương của người Khmer cho ta biết, với họ ngày chủ nhật là ngày Mặt trời, ngày thứ hai là ngày Mặt trăng, còn các ngày khác là ngày của các vì sao. Còn tên các tháng của họ đều có "lai lịch" hay gắn liền với một đồ vật, một con vật, khi là con vật thiêng trong tín ngưỡng, khi là con vật trong cuộc sống thường ngày: Tháng 1: Mec-ca-ra (một loại cá mập); Tháng 2: Côm-phen (cà-om); Tháng 3: Mì-nia (cá); Tháng 4: Mê-sa (cừu); Tháng 5: U-sạ phia (bò đực); Tháng 6: Mì-thộ-na (đôi trai gái); Tháng 7: Cạ-cạ-đa (cua); Tháng 8: Sây-ha (lân); Tháng 9: Canh-nha (con gái); Tháng 10: Tô-la (cái cân); Tháng 11: Ví-chê-ca (bò cạp); Tháng 12: Thô-nu (cung tên).

Có những tri thức gắn chặt với quan niệm và tâm lí tộc người. Ví dụ: người phụ nữ khi mang

bầu không được ngồi ở ngạch cửa hay ở chỗ gấp khúc, bởi nếu ngồi như vậy thì sẽ khó dễ (phong tục Khmer). Hoặc con đường rước dâu không được là con đường mà trong tháng ấy có người khác đã rước dâu về. Trong đám đưa dâu, người ta thường mang theo một lồng gà cho cô dâu làm vốn, nhưng nếu giữa đường nghe thấy tiếng cú rúc thì những con gà phải được thả ra, vì đây là dấu hiệu đòi ăn lộc của thần rừng (phong tục Tày).

Có những tri thức gắn bó với tập quán, nền nếp sinh hoạt. Với người M'Nông, ít nhất một mùa trọng năm, sum họp anh, chị, em, chú, bác ba lần. Lần thứ nhất đầu mùa rẫy. Lần thứ hai giữa mùa rẫy. Lần thứ ba vào mùa thu hoạch. Đây là những dịp họ trao đổi cách làm ăn, chọn đất làm rẫy, chăm sóc rẫy, cách giáo dục nuôi nấng con cháu. Họ còn mời già làng để cùng chia sẻ kinh nghiệm hay.

3. Giáo dục tri thức địa phương cho học sinh dân tộc thiểu số và sự thể hiện chương trình nghiên cứu thực hành giáo dục song ngữ trên cơ sở tiếng mẹ đẻ trong SGK

3.1. Giáo dục tri thức địa phương cho HS DTTS

Mặc dù nhận thức khá rõ về vai trò của tri thức địa phương cũng như văn hóa tộc người, văn hóa bản địa, song đến nay, việc nghiên cứu khoa học về tri thức địa phương (nghiên cứu lí thuyết) còn nhiều bất cập. Có thể coi chuyên khảo của Trung tâm NCGDDT về giáo dục tri thức địa phương tại lễ kỉ niệm 40 năm thành lập Viện Khoa học Giáo dục là công trình đầu tiên của Trung tâm nói về giáo dục tri thức địa phương. Tuy nhiên, do lúc đó chưa có những kết quả ứng dụng cụ thể nên những kết luận trong bài viết chưa thật sự sâu sắc, toàn diện.

Hiện nay, việc giáo dục tri thức địa phương vùng đồng bào dân tộc thiểu số chủ yếu được lồng ghép trong giáo dục văn hóa tộc người, thể hiện trong các tài liệu dạy tiếng và tài liệu tham khảo bằng tiếng mẹ đẻ. Trong các tài liệu này, tri thức địa phương được ghi lại trong mỗi bài đọc, hay tranh vẽ, vừa nhằm mục tiêu dạy tiếng vừa cung cấp kiến thức. Tùy từng lúc mà mục tiêu này hóa thành phương tiện cho mục tiêu kia.

3.2. Sự thể hiện trong sách giáo khoa chương trình nghiên cứu thực hành giáo dục song ngữ trên cơ sở tiếng mẹ đẻ

Gần đây, khi chỉ đạo triển khai các chương trình dạy tiếng dân tộc với tư cách là tiếng mẹ đẻ trong các chương trình giáo dục dạy như một môn học hay dạy song ngữ, Bộ Giáo dục và Đào tạo – thông qua Ban Chỉ đạo các dự án đã quán triệt tinh thần xây dựng tài

liệu, sách giáo khoa thân thiện với HS, thể hiện qua cả kênh hình, kênh chữ và nội dung tài liệu.

Về ngôn ngữ, tài liệu được biên soạn trực tiếp bằng tiếng dân tộc: Mông; Jrai, Khmer, nhằm bảo tồn và phát huy ngôn ngữ mẹ đẻ, trên cơ sở đó, HS tiếp thu được kiến thức ban đầu về khoa học tự nhiên, khoa học xã hội, đồng thời học tiếng Việt - ngôn ngữ thứ hai.

Về nội dung, tài liệu chương trình nghiên cứu thực hành giáo dục song ngữ trên cơ sở tiếng mẹ đẻ cơ bản được khơi nguồn từ văn hóa tộc người, từ địa bàn cư trú của HS, do chính các trí thức dân tộc sáng tạo hoặc sưu tầm.

Ngay từ khi xây dựng đề cương, ma trận sách giáo khoa, các tác giả đã chủ động đề xuất các chủ đề, chủ điểm riêng về văn hóa và tri thức địa phương thuộc địa bàn cư trú của HS. Các chủ đề, chủ điểm được dạy theo kiểu "xoáy tròn ốc" từ lớp 1 đến lớp 5, mỗi lớp lại được bồi đắp thêm, sâu sắc hơn, phù hợp với sự lớn lên và khả năng tiếp thu của trẻ. Trừ chủ điểm nhân dân và đất nước, ngữ liệu các chủ điểm khác đều có màu sắc địa phương. Đó là các chủ đề, chủ điểm: *Cuộc sống xã hội quanh em, thiên nhiên vật nuôi - cây cối trong bản/buôn làng em (SGK lớp 1); Khí hậu - địa hình quê em, Thực vật - động vật quê em, Bản làng/buôn làng của em (SGK lớp 2); Thiên nhiên - vẻ đẹp quê hương; Môi trường sống quanh em; Trang phục truyền thống dân tộc; Nhạc cụ dân tộc; Người dân tộc quê em; Truyền thống gia đình (người Mông/người Jrai/người Khmer); Cộng đồng: chăm học chăm làm, thông minh sáng tạo; Thiên nhiên quê hương, đất nước (SGK lớp 3); Bản làng tươi đẹp, Lễ hội quê hương (SGK lớp 4); Đặc sản quê hương (SGK lớp 5).*

Các bài đọc thuộc phân môn *Tập đọc* là nơi tri thức địa phương được phản ánh đậm đà nhất. Các bài đọc đã tập trung giới thiệu kiến trúc nhà ở, cách bài trí bên trong ngôi nhà của từng tộc người. Sách dạy tiếng Jrai có bài về nhà rông, sách dạy tiếng Khmer có bài về ngôi chùa, sách dạy tiếng Mông viết về ngôi nhà đất bên các thửa ruộng bậc thang. Các nghề truyền thống: đan lát, dệt lanh, thổ cẩm, nghề rèn, nghề đúc, trồng rừng...(người Mông); nghề chài lưới, đánh bắt cá, trồng lúa nước, làm cốm dẹp, làm đường thốt-nốt (người Khmer); nghề thổ cẩm, đan lát (người Jrai). Ở Jrai và vùng đồng bào dân tộc Mông, tuy có một số nghề giống nhau, song đi sâu vào kĩ thuật có những nét khác nhau. Ví dụ, cùng là nghề dệt, song kĩ thuật tuốt lanh, nhuộm chàm chỉ người Mông mới có; hoa văn thổ cẩm mỗi vùng cũng có sự khác biệt. Kiến thức ẩm thực, đặc

sản quê hương, trang phục truyền thống, nhạc cụ dân tộc, trò chơi dân gian và môn thể thao của mỗi dân tộc cũng khác nhau, ... được thể hiện khá đậm đặc trong SGK và các tài liệu bổ trợ. Khảo sát sơ bộ, tỉ lệ bài tập đọc SGK tiếng Mông từ lớp 2 – lớp 4 viết về tri thức địa phương, lần lượt như sau: 12/52; 23/52; 12/31. Do có sự thống nhất giữa ba nhóm tiếng dân tộc ngay từ khi xây dựng đề cương, nên SGK tiếng Jrai và Khmer cũng có tỉ lệ tương tự hoặc có chênh lệch không đáng kể (chỉ khoảng 1 – 2 bài).

Các tri thức địa phương đưa vào SGK có chọn lọc theo tiêu chí: tích cực và phù hợp. Tích cực tức là lựa chọn các yếu tố cần thiết, có tác động tốt đến sự phát triển tâm sinh lí và nhân cách của trẻ. Phù hợp là đảm bảo yếu tố vừa sức. Phù hợp với chuẩn kiến thức, kĩ năng, với lứa tuổi của trẻ ở từng lớp học, với phong tục, tập quán người Việt nói chung... Chính vì vậy, các ngữ liệu đều nhẹ nhàng, tự nhiên. Sự tham gia của các tác giả là trí thức dân tộc cũng góp phần quan trọng trong việc thể hiện ngữ liệu đơn giản, dễ hiểu theo cách nói của từng tộc người.

Màu sắc địa phương trong các sách dạy tiếng dân tộc thuộc Chương trình Giáo dục song ngữ thể hiện đậm đà trong nội dung phát triển vốn từ thuộc phân môn *Luyện từ và câu*. Cũng là phát triển vốn từ về cây cỏ, thiên nhiên, cảnh quan, nhưng cây cỏ, thiên nhiên, cảnh quan mỗi vùng mỗi khác. Vùng Mông có rừng pơ-mu lá nhọn, quanh năm một màu xanh thẫm với đủ loại muông thú; có núi cao với mây ngàn; có suối nguồn và gềnh thác. Vùng đồng bào Khmer tập trung cư trú lại là vùng có nhiều kênh rạch, có đồng rộng, lúa cá, nhiều tôm; vùng Jrai lại là vùng ba-zan, đầu đầu cũng có màu đỏ thẫm, bạt ngàn rừng cao su, bao quanh là những cây muồng đen.

Có thể nói, các cuốn sách dạy tiếng trong chương trình giáo dục song ngữ ngoài nhiệm vụ dạy tiếng, còn là "một cuốn địa chí nhỏ nhỏ" dành cho HS tiểu học. Một điều thú vị là chính vì thế nên cuốn sách trở nên hấp dẫn đối với HS, lời cuốn được sự tham gia của cha mẹ HS và thuyết phục được cộng đồng. Song quan trọng hơn cả là sau gần 4 năm triển khai chương trình, qua kiểm tra, đánh giá kết quả học tập, chúng ta thấy, HS chủ động, tự tin hơn trong tiếp nhận kiến thức các môn học; đồng thời học tiếng Việt cũng nhanh hơn. Đến nay, các em giao tiếp bằng tiếng Việt khá tốt; việc học tập bằng tiếng Việt, cơ bản cũng bảo đảm đúng tiến độ chương trình.

Trải qua các thời kì khác nhau, vấn đề nghiên cứu, chỉ đạo thực hiện giáo dục tri thức địa phương,

trong đó có giáo dục văn hóa cho HS dân tộc thiểu số, ngày càng được quan tâm. Song, đến nay, chưa có chiến lược về vấn đề này, chưa có những công trình nghiên cứu xứng tầm để rút ra những vấn đề lí luận, lí thuyết thật sự sâu sắc làm điểm tựa cho việc chỉ đạo và thực hiện trên thực tiễn. Trong các cơ quan quản lí, chỉ đạo và nghiên cứu giáo dục dân tộc, số lượng cán bộ được đào tạo chuyên sâu về dân tộc học, tâm lí học rất hạn chế. Đây là nguyên nhân quan trọng khiến cho lĩnh vực này chưa được nghiên cứu kĩ lưỡng.

Để khắc phục những khó khăn, hạn chế nói trên, cần có chiến lược tuyển dụng và đào tạo chuyên gia về dân tộc học để chuyên trách (chủ trì) nghiên cứu về dân tộc học, về văn hóa tộc người và về tri thức địa phương vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Đồng thời, cần có định hướng chiến lược, nghiên cứu khoa học về *tâm lí học sinh dân tộc thiểu số; giáo dục văn hóa, giáo dục tri thức địa phương cho học sinh dân tộc thiểu số*. Từ đó đưa ra luận cứ khoa học để xuất chương trình, nội dung *giáo dục văn hóa tộc người, giáo dục tri thức địa phương* cho học sinh dân tộc thiểu số. Mặt khác, cần tiếp tục chỉ đạo thực hiện khai thác, tăng cường nội dung văn hóa các dân tộc thiểu số và tri thức địa phương vùng đồng bào dân tộc thiểu số trong quá trình biên soạn tài liệu, sách giáo khoa dùng cho giáo viên và HS dân tộc thiểu số, xác định đây là hướng đi tích cực để xây dựng nhà trường thân thiện, học sinh tích cực.

TÀI LIỆU THAM KHẢO CHÍNH

1. Nguyễn Đức Lữ, *Góp phần tìm hiểu tín ngưỡng dân gian Việt Nam*, NXB Tôn giáo, 2005.
2. Nguyễn Khắc Thuần, *Đại cương lịch sử văn hóa Việt Nam*, tập 1, NXB Giáo dục, 2004.
3. Trần Quốc Vượng, *Mất dân gian là mất hồn dân tộc*, 50 năm sưu tầm nghiên cứu phổ biến văn hóa – văn nghệ dân gian, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội, 1997
4. Tài liệu (SGK) tiếng Khmer, Jrai, Mông - Chương trình nghiên cứu thử nghiệm Giáo dục song ngữ trên cơ sở tiếng mẹ đẻ - Trung tâm NCGDDT.

SUMMARY

The writer presents some issues on local knowledge and education of local knowledge provided to ethnic minority students and the presentation of the experimental research on mother tongue-based bilingual education in textbooks.